ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 3123/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 05 tháng 10 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định cụ thể về hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị quyết số: 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng ngày 24/3/2004;

Căn cứ Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 661/1998/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Quyết định số 164/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/1998/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BNN, ngày 26/02/2009 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - TBXH và Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình liên ngành số 03/TTrLN-LĐTBXH - SNN&PTNT ngày 29/9/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể về hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - TBXH, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các nội dung liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. UBND các huyện: Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, lập dự toán các hạng mục hỗ trợ trong chính sách gửi các ngành liên quan thẩm

định trình UBND tỉnh phê duyệt; chủ động phê duyệt, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách theo phân cấp.

3. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp hướng dẫn, triển khai tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan trong quy định này; đồng thời thường xuyên tham gia kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện và báo cáo kết quả với UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện: Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 05/10/2008 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định cụ thể về hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (viết tắt là Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP).

2. Những nội dung khác liên quan đến hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2009/TT-BNN ngày 26/02/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, hộ gia đình đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc 3 huyện: Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Hỗ trợ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng

1. Đối tượng được hỗ trợ: Nhóm hộ gia đình; cá nhân; hộ gia đình; cộng đồng dân cư tham gia nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo đúng quy hoạch hoặc có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ

a) Hộ gia đình nhận khoán chăm sóc, bảo vệ đối với rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất có trữ lượng giàu, trung bình nhưng đang đóng cửa rừng được hưởng tiền khoán bảo vệ với mức 200.000 đồng/ha/năm.

b) Đối với diện tích đất trống được quy hoạch để trồng rừng và đất nương rẫy được quy hoạch chuyển đổi sang trồng rừng, mức hỗ trợ thực hiện theo thực tế từng loại cây trồng theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm, cụ thể như sau:

- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng được đầu tư bình quân 10 triệu đồng/ha/4 năm (bao gồm cả trồng và chăm sóc đến khi thành rừng), trong đó:

+ Trồng, chăm sóc, bảo vệ năm thứ nhất: 6,0 triệu đồng;

+ Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai: 2,0 triệu đồng;

+ Chăm sóc, bảo vệ năm thứ ba: 1,2 triệu đồng;

+ Chăm sóc, bảo vệ năm thứ tư: 0,8 triệu đồng.

Sau 4 năm đầu tư trồng và chăm sóc, nếu đạt tiêu chuẩn thành rừng thì chuyển sang khoán bảo vệ rừng và được hưởng mức 200.000 đồng/ha/năm.

- Trồng rừng sản xuất được hỗ trợ 5 triệu đồng/ha/3 năm (bao gồm cả cây giống, phân bón và một phần nhân công), trong đó:

+ Trồng, chăm sóc, bảo vệ năm thứ nhất: 4,0 triệu đồng;

+ Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai: 0,6 triệu đồng;

+ Chăm sóc, bảo vệ năm thứ ba: 0,4 triệu đồng.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản hướng dẫn về tiêu chí xác định thành rừng đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 4. Hỗ trợ gạo

1. Đối với hộ nghèo có nhận khoán bảo vệ, trồng và chăm sóc rừng trong thời gian chưa tự túc được lương thực được hỗ trợ thêm 15kg gạo/khẩu/tháng (nhưng không quá 900kg/hộ/năm) trong thời gian tối đa là 07 năm.

2. Đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia chuyển đổi đất nương rẫy để trồng rừng trong thời gian chưa tự túc được lương thực được hỗ trợ thêm tối đa 700 kg gạo/ha/năm trong thời gian không quá 07 năm.

3. Đối với hộ nghèo tại các thôn bản giáp biên giới trong thời gian chưa tự túc được lương thực được hỗ trợ 15kg gạo/khẩu/tháng nhưng tối đa không quá 6 tháng/năm.

Trường hợp hộ gia đình nào thuộc đối tượng của 2 nội dung trở lên thì được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất để thực hiện.

4. Phương thức hỗ trợ gạo: Cấp trực tiếp bằng gạo, giao UBND các huyện trực tiếp chỉ đạo cấp phát theo quy định.

5. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính hướng dẫn về tiêu chí xác định thời gian chưa tự túc được lương thực phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 5. Hỗ trợ việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao

1. Đối tượng hỗ trợ: Các cá nhân, hộ gia đình thực hiện chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có năng suất thấp hoặc hiệu quả kinh tế thấp sang giống cây trồng, vật nuôi có năng suất hoặc hiệu quả kinh tế cao hơn.

2. Mức hỗ trợ

a) Chuyển từ trồng cây hàng năm sang trồng cây công nghiệp (chè, cây ăn quả lâu năm): Hỗ trợ một lần toàn bộ kinh phí mua giống và phân bón cho thời kỳ kiến thiết cơ bản.

b) Đối với chuyển đổi cơ cấu giống trong nhóm cây ngắn ngày: Hỗ trợ toàn bộ kinh phí mua giống, phân bón cho 01 vụ sản xuất chuyển đổi đầu tiên.

c) Hỗ trợ chuyển đổi vật nuôi

- Hỗ trợ toàn bộ tiền mua giống và vận chuyển giống vật nuôi cho các hộ nghèo chưa có điều kiện chăn nuôi trâu, bò, lợn. Mỗi hộ gia đình được hỗ trợ 01 con trâu cái hoặc 01 con bò cái từ 12 - 15 tháng tuổi (trọng lượng trâu 100 - 120 kg; trọng lượng bò từ 80 - 100kg).

- Trong trường hợp các hộ không có điều kiện chăn nuôi trâu, bò thì được hỗ trợ một con lợn nái hậu bị hoặc một cặp lợn giống nuôi thịt trọng lượng 20 - 30kg/01 con hoặc hỗ trợ theo phương án được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, phê duyệt.

d) Hỗ trợ chuyển đổi các loài thủy sản: Hỗ trợ một lần toàn bộ tiền mua giống thủy sản khi chuyển đổi các loài thủy sản mới. Mức hỗ trợ được thanh toán theo thực tế nhưng không quá 02 triệu đồng/1.000m2 mặt nước.

3. Việc hỗ trợ chuyển đổi phải thực hiện theo quy hoạch sản xuất theo từng vùng, từng địa phương để lựa chọn loại cây, con phù hợp với từng địa bàn cụ thể. Hàng năm trên cơ sở quy hoạch và định hướng phát triển sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lựa chọn cây trồng, vật nuôi cụ thể và xây dựng định mức hỗ trợ (giống, phân bón, nhân) và phương thức hỗ trợ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Đơn giá các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phân bón theo đơn giá Nhà nước quy định; đối với những loại giống, phân bón chưa có quy định giá thì trình thẩm định, phê duyệt đơn giá theo quy định.

Điều 6. Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông

1. Đào tạo - tập huấn: Hàng năm, căn cứ yêu cầu sản xuất và nhu cầu tập huấn, đào tạo, UBND các huyện đề xuất nhu cầu và phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh để xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cho khuyến nông viên cơ sở, các nhóm nông dân hoặc câu lạc bộ khuyến nông ở địa phương. Định mức hỗ trợ như sau:

- Người dân tham gia đào tạo, tập huấn được cấp tài liệu, hỗ trợ 100% tiền ăn ở, đi lại và 10.000 đồng/ngày/người.

- Các đối tượng khác tham gia đào tạo, tập huấn thực hiện hỗ trợ theo chính sách hiện hành của Nhà nước quy định.

2. Xây dựng mô hình khuyến nông: Căn cứ yêu cầu sản xuất và nhu cầu xây dựng mô hình sản xuất của các xã, Phòng Nông nghiệp và PTNT thuộc 3 huyện nghèo có trách nhiệm tổng hợp xây dựng cụ thể số lượng, loại mô hình và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp lập hồ sơ phê duyệt, xin phê duyệt theo quy định dưới đây:

a) Đối với mô hình dưới 200 triệu đồng: UBND các huyện phê duyệt.

b) Đối với mô hình từ 200 triệu đồng trở lên: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Định mức hỗ trợ: 100% giống cây trồng, vật nuôi; phân bón hoặc thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Cường